

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 31/01/2024

“V/v không công nhận quan hệ vợ chồng”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Dương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hồ Xuân Giao.

2. Bà Tống Thị Điệp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:** Ông Lê Minh Thuận – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 858/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024, và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐH-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Hàng Thị Minh T – Sinh năm 1973 (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số F, đường A, Tổ dân phố C, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

**- Bị đơn:** Ông Huỳnh Minh N – Sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số I đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Hàng Thị Minh T trình bày có nội dung như sau:

Tôi (Hàng Thị Minh T) và ông Huỳnh Minh N quen biết, tìm hiểu và tự nguyện chung sống từ năm 1996. Chúng tôi có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên tôi đã làm thất lạc Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và hiện nay sổ đăng ký kết hôn năm 1996 tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk không còn lưu trữ nên tôi không cung cấp được cho Tòa án.

Trong quá trình chung sống, tôi và ông Huỳnh Minh N phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân do ông N thường xuyên say xỉn, chửi mắng vợ con và không có trách nhiệm với gia đình. Đến năm 2010 thì mâu thuẫn trầm trọng, nên tôi chuyển về nhà ngoại tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk sinh sống. Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay và không có biện pháp để hàn gắn mâu thuẫn.

Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa tôi và ông N là vợ chồng.

- Về con chung: Tôi và ông N có hai con chung là Huỳnh Minh S – Sinh năm 1997 và Huỳnh Minh P – Sinh năm 2004. Các con chung đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, tự lo cho bản thân nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và ông Huỳnh Minh N không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn ông Huỳnh Minh N, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông Huỳnh Minh N không tham gia tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

3. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bà Hàng Thị Minh T và ông Huỳnh Minh N chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1996 cho đến nay, nhưng không có cơ sở để chứng minh việc bà Hàng Thị Minh T và ông Huỳnh Minh N đã thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Đề nghị Hội đồng xét chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hàng Thị Minh T, không công nhận quan hệ giữa bà Hàng Thị Minh T và ông Huỳnh Minh N là vợ chồng.

Về con chung: Bà Hàng Thị Minh T và ông Huỳnh Minh N có hai con chung là Huỳnh Minh S – Sinh năm 1997 và Huỳnh Minh P – Sinh năm 2004. Các con chung đều đã trưởng thành và có khả năng tự lo cho cuộc sống của bản thân, nên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hàng Thị Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Hàng Thị Minh T phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:**

Nguyên đơn bà Hàng Thị Minh T khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà Hàng Thị Minh T và ông Huỳnh Minh N là vợ chồng. Bà Hàng Thị Minh T trình bày cho rằng bà và ông Huỳnh Minh N có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, bà Hàng Thị Minh T không cung cấp được Giấy chứng nhận kết hôn, bị đơn ông Huỳnh Minh N cũng không có ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác. Tại Công văn số 11/UBND-TP ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thị trấn E trả lời việc cấp trích lục, bản sao Kết hôn cho công dân cũng xác định không lưu trữ tài liệu liên quan đến việc đăng ký kết hôn giữa bà Hàng Thị Minh T và ông Huỳnh Minh N.

Như vậy không có cơ sở xác định bà Hàng Thị Minh T và ông Huỳnh Minh N có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp về “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn ông Huỳnh Minh N cư trú tại địa chỉ: Số I đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:**

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Hàng Thị Minh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông Huỳnh Minh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt không có lý do lần thứ hai, nên Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[3] Về nội dung:**

Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Hàng Thị Minh T và ông Huỳnh Minh N chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1996 cho đến nay, nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy quan

hệ hôn nhân giữa bà Hàng Thị Minh T và ông Huỳnh Minh N là không hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Trong quá trình chung sống giữa bà Hàng Thị Minh T và ông Huỳnh Minh N xảy ra mâu thuẫn. Nay bà Hàng Thị Minh T xác định không còn tình cảm với ông Huỳnh Minh N và không muốn tiếp tục duy trì cuộc sống chung, nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà Hàng Thị Minh T và ông Huỳnh Minh N là vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Hàng Thị Minh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Xét về con chung: Bà Hàng Thị Minh T và ông Huỳnh Minh N có hai con chung là Huỳnh Minh S – Sinh năm 1997 và Huỳnh Minh P – Sinh năm 2004. Các con chung đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), có khả năng tự quyết định cuộc sống của mình, nên bà Hàng Thị Minh T và ông Huỳnh Minh N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Hàng Thị Minh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hàng Thị Minh T đối với ông Huỳnh Minh N.**

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Hàng Thị Minh T và ông Huỳnh Minh N là vợ chồng.

Về con chung: Bà Hàng Thị Minh T và ông Huỳnh Minh N có hai con chung là Huỳnh Minh S – Sinh năm 1997 và Huỳnh Minh P – Sinh năm 2004. Các con chung đều đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động và có khả năng tự nuôi mình nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

## **2. Về án phí:**

Bà Hàng Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0004820 ngày 19 tháng 10 năm 2023 (do Trần Tuấn A nộp thay).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- P. NVKT&THA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND phường T, TP.BMT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Duy Dương**